

Số: 673 /QĐ-HV

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành tạm thời Chương trình khung giáo dục đại học – liên thông từ cao đẳng theo tín chỉ ngành Điện tử, truyền thông

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

Căn cứ Quyết định số 229/QĐ-TCCB/HĐQT ngày 09/9/1997 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo và Khoa học Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

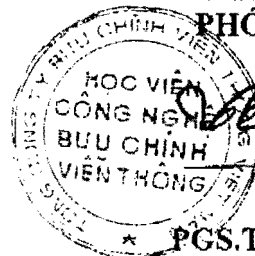
Điều 1. Nay ban hành tạm thời **Chương trình khung giáo dục đại học – liên thông từ cao đẳng theo tín chỉ ngành Điện tử, truyền thông** của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Chương trình khung kèm theo).

Điều 2. Chương trình khung giáo dục đại học – liên thông từ cao đẳng theo tín chỉ ngành Điện tử, truyền thông này được áp dụng thống nhất trong Học viện kể từ Khóa đào tạo 2012 trở đi.

Điều 3. Phó Giám đốc Phụ trách Học viện cơ sở Tp. Hồ Chí Minh, Chánh văn phòng, Trưởng các phòng chức năng, các Trung tâm; Trưởng các Khoa đào tạo 1 và 2 và Trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (đề b/c);
- Tập đoàn BCVTN (đề b/c);
- Ban Giám đốc HV (đề b/c);
- Lưu VT, ĐT&KHCN.



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS.TS. Lê Hữu Lập

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC (LIÊN THÔNG)

Tên chương trình : Kỹ thuật viễn thông
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Kỹ thuật Điện tử, truyền thông
Hình thức đào tạo: Chính qui

(Kèm theo Quyết định số: 673/QĐ ngày 26/9/2012 của Giám đốc Học viện)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Về kiến thức

Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức sau:

- ✓ Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ sở cốt lõi và cần thiết về cấu kiện quang điện tử, mạch điện, điện tử tương tự, điện tử số và các quá trình xử lý tín hiệu.
- ✓ Trang bị cho sinh viên kiến thức toàn diện và hiện đại về viễn thông, kiến thức căn bản trong hội tụ điện tử - tin học - viễn thông, bao gồm cả lý thuyết, thực hành và thực tế mạng lưới.

1.2. Về kỹ năng

Người tốt nghiệp chương trình đại học ngành Điện tử viễn thông có những kỹ năng:

- ✓ Phân tích tổng hợp sửa chữa mạch điện tử trang thiết bị viễn thông
- ✓ Triển khai dịch vụ viễn thông, các phương thức bảo mật hệ thống.
- ✓ Thiết kế, lắp đặt, vận hành, tổ chức khai thác, quản lý các thiết bị và hệ thống viễn thông.
- ✓ Phân tích và xử lý các sự cố kỹ thuật vừa và nhỏ trang thiết bị và hệ thống viễn thông.
- ✓ Nắm chắc các tiêu chuẩn quốc tế và Việt Nam về viễn thông.
- ✓ Nghiên cứu, tiếp cận với các thiết bị điện tử và hệ thống viễn thông mới hướng tới mục tiêu cải tiến và thiết kế mới.

1.3. Về năng lực

- ✓ Sau khi tốt nghiệp sinh viên có năng lực đảm nhận công việc các vị trí cán bộ kỹ thuật và cán bộ quản lý tại các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực viễn thông.
- ✓ Có năng lực tham gia các dự án về viễn thông;



- ✓ Có năng lực làm việc ở vị trí cán bộ nghiên cứu, cán bộ giảng dạy về viễn thông tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu và các cơ sở đào tạo;
- ✓ Có thể học tiếp lên trình độ Sau đại học ở trong nước và nước ngoài.

1.4. Về Hành vi đạo đức

- ✓ Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn.
- ✓ Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước.
- ✓ Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

1.5. Về ngoại ngữ

- ✓ Có khả năng sử dụng tiếng Anh tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 2 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 55 tín chỉ

4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Khối lượng kiến thức: 52 tín chỉ

4.1. Cấu trúc chương trình:

STT	Khối kiến thức	Tín chỉ	Đvht
1	Kiến thức giáo dục đại cương	15	21
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	31	43
	<i>Trong đó:</i>		
	- Kiến thức cơ sở	7	10
	- Kiến thức chuyên ngành	22	30
	- Thực hành chuyên sâu	2	3
3	Thực tập và Tốt nghiệp	9	14
	Tổng cộng	55	78

4.2 Nội dung chương trình

4.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương

VIỆN
NGH
TINH
CH

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số ĐVHT	Số Tín chỉ	Lên lớp (tiết)		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Kỳ học theo niên chế	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
					Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận					
1	Tiếng Anh 4	BAS1116	3	2	10	20				1	5x(2 ^{LT} +4 ^{BT})
2	Tiếng Anh 5	BAS1117	3	2	10	20				2	
3	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	SKD1108	3	2	18	6		6		1	3x(6 ^{LT} +2 ^{BT})
4	Vật lý 2 và thí nghiệm	BAS1225	5	4	42	8	8	4		1	3x(14 ^{LT} +2 ^{BT})
5	Xác suất thống kê	BAS1226	3	2	24	6				1	3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
6	Toán kỹ thuật	BAS1221	4	3	36	8		1		1	3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})+(12 ^{LT} +2 ^{BT})
Tổng:			21	15							

4.2.2. Kiến thức kỹ năng

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số ĐVHT	Số Tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Kỳ học theo niên chế	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
					Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận					
	Kỹ năng thuyết trình	SKD1101	1	1	6	8		1			Kế hoạch riêng
	Kỹ năng làm việc nhóm	SKD1102	1	1	6	8		1			

4.2.3. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

4.2.3.1. Kiến thức cơ sở ngành

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số ĐVHT	Số Tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm /Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Kỳ học theo niên chế	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
					Lý thuyết	Chữa bài tập /Thảo luận					
7	Xử lý tín hiệu số	ELE1330	3	2	24	6				1	3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
8	Các kỹ thuật lập trình	INT1470	4	3	30	6	8	1		2	3x(10 ^{LT} +2 ^{BT})
9	Quản lý mạng Viễn thông	TEL1414	3	2	24	6				2	3x(8 ^{LT} +2 ^{BT})
Tổng			10	7							

4.2.3.2. Kiến thức ngành

TT	Tên môn học	Mã môn học	Số ĐVHT	Số Tín chỉ	Lên lớp		Thí nghiệm / Thực hành (tiết)	Tự học (tiết)	Mã số môn học tiên quyết	Kỳ học theo niên chế	Phương án lập kế hoạch giảng dạy
					Lý thuyết	Chữa bài tập / Thảo luận					
10	Truyền dẫn số	TEL1420	4	3	36	8		1		2	$3 \times (8^{LT} + 2^{BT}) + (12^{LT} + 2^{BT})$
11	Mô phỏng hệ thống truyền thông	TEL1412	3	2	20	4	6			2	$2 \times (10^{LT} + 2^{BT})$
12	Kỹ thuật phát thanh và truyền hình	TEL1411	4	3	36	8		1		2	$3 \times (8^{LT} + 2^{BT}) + (12^{LT} + 2^{BT})$
13	Xử lý âm thanh và hình ảnh	TEL1422	4	3	36	8		1		3	$3 \times (8^{LT} + 2^{BT}) + (12^{LT} + 2^{BT})$
14	Công nghệ truyền tải quang	TEL1408	4	3	32	8	2	3		3	$4 \times (8^{LT} + 2^{BT})$
15	An ninh mạng thông tin	TEL1401	4	3	24	4	2			3	$2 \times (12^{LT} + 2^{BT})$
16	Tín hiệu và hệ thống	TEL1418	3	2	24	6				3	$3 \times (8^{LT} + 2^{BT})$
17	Chuyên đề	TEL1404	1	1	2	12		1		3	
	Học phần tự chọn (chọn 1/3)										
18	Phát triển ứng dụng trên nền di động	TEL1413	3	2	24	6					$3 \times (8^{LT} + 2^{BT})$
19	Các mạng truyền thông Vô tuyến	TEL1403	3	2	24	6					$3 \times (8^{LT} + 2^{BT})$
20	Thu phát vô tuyến	TEL1416	3	2	24	6					$3 \times (8^{LT} + 2^{BT})$
	Tổng cộng		30	22							

4.2.3.3. Thực hành chuyên sâu

2TC/3 đvht (Tương đương 2 tuần)

4.2.4. Thực tập và tốt nghiệp:

9TC/14 đvht

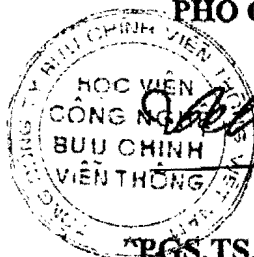
- Thực tập cơ sở (4 tuần):

3TC/4 đvht

- Đồ án tốt nghiệp (10 tuần):

6 TC/10 đvht

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



PGS. TS. Lê Hữu Lập